

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

Hà Nội - Tháng 8 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 46

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FECON trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần FECON (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004661 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 6 năm 2004, đăng ký thay đổi các lần và lần thứ 8 ngày 17 tháng 11 năm 2010 về việc thay đổi mã số doanh nghiệp là 0101502599, lần thứ 20 ngày 06 tháng 5 năm 2016 về việc đổi tên từ Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON thành Công ty Cổ phần FECON và thay đổi lần thứ 32 ngày 14/01/2022 về việc tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 32 ngày 14/01/2022 là: 1.574.390.050.000 đồng (*Bằng chữ: Một nghìn, năm trăm bảy mươi bốn tỷ, ba trăm chín mươi triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng*).

Tên nước ngoài: FECON CORPORATION; Tên viết tắt: FECON CORP.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HOSE với Mã chứng khoán FCN.

Trụ sở chính: Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Việt Khoa	Chủ tịch
Ông Satoyuki Yamane	Phó Chủ tịch
Ông Trần Trọng Thắng	Phó Chủ tịch thường trực
Ông Hà Thế Lộng	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Hữu Thái Hòa	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Trần Đăng Phước	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Nghiên	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Trưởng ban
Ông Trương Văn Bình	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 27/4/2023)
Ông Trần Công Tráng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 27/4/2023)
Ông Nguyễn Tiến Thành	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Bảo	Phó Tổng giám đốc
Ông Tạ Công Thanh Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quang Hạnh	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/02/2023)
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 được soát xét bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2023

Số: 277 /2023/BCSX-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần FECON

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần FECON, được lập ngày 29 tháng 8 năm 2023, từ trang 05 đến trang 46, bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/6/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2023, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Nguyễn Thị Mai Hoa****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2023/UQ/CPA VIETNAM ngày 06/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 01a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2023	01/01/2023
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		3.221.802.704.038	3.024.708.001.465
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	27.277.176.203	14.338.804.250
1. Tiền	111		22.727.176.203	9.788.804.250
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.550.000.000	4.550.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.722.416.438	3.646.800.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	5.722.416.438	3.646.800.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.844.111.327.448	1.729.187.664.285
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	1.248.114.455.386	1.102.701.618.985
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	247.177.643.643	207.509.411.982
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	550.000.000	15.530.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	351.629.618.166	406.807.023.065
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(3.360.389.747)	(3.360.389.747)
IV. Hàng tồn kho	140		1.282.281.532.872	1.218.087.701.407
1. Hàng tồn kho	141	5.7	1.282.281.532.872	1.218.087.701.407
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		62.410.251.077	59.447.031.523
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	11.093.562.148	12.059.479.826
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		51.316.688.929	47.387.551.697
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		1.668.699.443.427	1.779.718.710.153
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		15.447.298.428	102.065.933.696
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	15.447.298.428	102.065.933.696
II. Tài sản cố định	220		294.461.584.651	317.271.530.768
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	121.410.010.606	138.192.759.670
- Nguyên giá	222		259.885.263.119	274.285.907.343
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(138.475.252.513)	(136.093.147.673)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	163.722.906.675	168.063.987.506
- Nguyên giá	225		208.800.978.038	204.015.264.831
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(45.078.071.363)	(35.951.277.325)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	9.328.667.370	11.014.783.592
- Nguyên giá	228		28.339.169.732	28.339.169.732
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(19.010.502.362)	(17.324.386.140)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.934.491.207	1.700.346.497
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	2.934.491.207	1.700.346.497
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.286.539.950.722	1.288.040.892.407
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.2	1.223.094.909.275	1.224.585.850.960
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.2	60.810.027.447	60.820.027.447
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	2.635.014.000	2.635.014.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		69.316.118.419	70.640.006.785
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	69.316.118.419	70.640.006.785
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		4.890.502.147.465	4.804.426.711.618

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2023	01/01/2023
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		2.436.559.409.286	2.295.022.549.174
I. Nợ ngắn hạn	310		2.364.676.928.826	2.204.915.138.531
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	607.974.664.937	529.461.815.170
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	219.829.349.053	164.376.073.425
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	6.475.533.642	4.164.296.443
4. Phải trả người lao động	314		6.005.641.479	17.280.574.573
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	107.948.989.861	67.308.262.333
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.670.508.658	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	282.480.398.099	213.998.723.821
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	1.132.291.843.097	1.208.325.392.766
II. Nợ dài hạn	330		71.882.480.460	90.107.410.643
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.650.528.587	2.026.482.706
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	70.231.951.873	88.080.927.937
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.453.942.738.179	2.509.404.162.444
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.19	2.453.942.738.179	2.509.404.162.444
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.574.390.050.000	1.574.390.050.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		1.574.390.050.000	1.574.390.050.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		517.556.564.217	517.556.564.217
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		297.446.985.202	297.446.985.202
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		64.549.138.760	120.010.563.025
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		35.264.333.050	59.743.288.278
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		29.284.805.710	60.267.274.747
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.890.502.147.465	4.804.426.711.618
(440 = 300+400)				

Người lập biểu



Trần Thu Trang

Kế toán trưởng



Phạm Văn Tùng

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thanh

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 02a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	876.616.405.191	831.909.855.626
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		876.616.405.191	831.909.855.626
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	759.221.625.976	764.199.730.087
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		117.394.779.215	67.710.125.539
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	29.872.195.661	41.453.810.512
7. Chi phí tài chính	22	6.4	68.651.916.111	46.926.607.179
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		64.895.243.363	45.667.661.260
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	6.233.288.880	7.119.812.523
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	41.315.216.634	44.415.139.361
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		31.066.553.251	10.702.376.988
11. Thu nhập khác	31	6.6	268.193.882	121.611.508
12. Chi phí khác	32	6.6	823.266.358	836.349.378
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(555.072.476)	(714.737.870)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		30.511.480.775	9.987.639.118
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	1.226.675.065	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		29.284.805.710	9.987.639.118

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu




Trần Thu Trang

Kế toán trưởng



Phạm Văn Tùng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Thanh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc ngày 30/6/2023 VND	kết thúc ngày 30/6/2022 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		30.511.480.775	9.987.639.118
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		18.182.256.190	18.415.257.599
- Các khoản dự phòng	03		-	(319.580.623)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(26.177.980.336)	(40.946.029.010)
- Chi phí lãi vay	06		64.895.243.363	45.667.661.260
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		87.410.999.992	32.804.948.344
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(110.487.174.954)	(64.803.615.112)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(64.193.831.465)	(11.987.450.252)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		153.779.306.667	(28.706.544.254)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.289.806.044	(1.358.657.960)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(67.986.060.048)	(43.174.544.249)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(91.371.690)	(3.048.799.091)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(415.692.865)	(97.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		305.981.681	(120.371.662.574)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(851.217.406)	(4.657.365.440)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.442.727.273	26.500.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.075.616.438)	(6.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		17.980.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(39.757.500.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		449.500.000	84.593.090.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		86.070.283.349	1.857.170.865
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		100.015.676.777	35.561.895.425
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		906.961.515.527	910.691.461.195
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(918.820.082.319)	(823.159.302.564)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(28.317.653.913)	(40.903.387.935)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(47.207.065.800)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(87.383.286.505)	46.628.770.696

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON
Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 03a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		12.938.371.953	(38.180.996.453)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	14.338.804.250	107.831.963.421
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	27.277.176.203	69.650.966.968

Người lập biểu

Trần Thu Trang

Kế toán trưởng

Phạm Văn Tùng

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thanh

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần FECON được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004661 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 6 năm 2004, đăng ký thay đổi các lần và lần thứ 8 ngày 17 tháng 11 năm 2010 về việc thay đổi mã số doanh nghiệp là 0101502599, lần thứ 20 ngày 06 tháng 5 năm 2016 về việc đổi tên từ Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON thành Công ty Cổ phần FECON và thay đổi lần thứ 32 ngày 14/01/2022 về việc tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 32 ngày 14/01/2022 là: 1.574.390.050.000 đồng (*Bằng chữ: Một nghìn, năm trăm bảy mươi bốn tỷ, ba trăm chín mươi triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng*).

Tên nước ngoài: FECON CORPORATION; Tên viết tắt: FECON CORP.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HOSE với Mã chứng khoán FCN.

Trụ sở chính: Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lao động của Công ty tại ngày 30/6/2023 là 278 người (Tại ngày 31/12/2022 là 333 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Thi công xây dựng nền móng và công trình ngầm phục vụ xây dựng nhà cao tầng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi;
- Thi công hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và đô thị;
- Thí nghiệm khả năng chịu tải nền móng công trình bằng phương pháp nén tải trọng tĩnh và thí nghiệm tải trọng động biến dạng lớn (PDA);
- Thí nghiệm kiểm tra nguyên dạng và tính đồng nhất của cọc móng và các cấu kiện bê tông cốt thép bằng phương pháp siêu âm (SONIC) và phương pháp va đập biến dạng nhỏ (PIT);
- Khảo sát địa chất công trình, khảo sát địa hình, khảo sát địa chất thủy văn công trình;
- Thực hiện các thí nghiệm địa kỹ thuật phục vụ khảo sát thiết kế, quản lý chất lượng và quan trắc trong thi công nền móng và công trình ngầm (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh dịch vụ cho thuê xe ô tô;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Thi công xây dựng nền móng và công trình ngầm phục vụ xây dựng nhà cao tầng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi.

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2023, Công ty có các Công ty con như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con trực tiếp					
Công ty Cổ phần Thiết bị FECON (bao gồm cả tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần công trình ngầm FECON RAITO)	Hòa Bình	Sửa chữa và Cho thuê máy móc, thiết bị	86,14%	99,93%	93,17%
Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON	Hà Nội	Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc	93,50%	93,50%	93,50%
FECON Trung Chính Myanmar	Myanmar	Hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cầu đường	51,00%	51,00%	93,56%
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng FECON	Hà Nội	Thi công xử lý nền đất yếu	99,56%	99,56%	99,56%
Trường THPT Ý Yên	Nam Định	Giáo dục, đào tạo cấp Trung học cơ sở, cấp Trung học Phổ thông	72,90%	72,90%	72,90%
Công ty Cổ phần Đầu tư FECON	Hà Nội	Hoạt động trong lĩnh vực phát triển dự án và thi công xây dựng	90,52%	90,52%	90,52%
Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON RAITO (trước đây là Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON)	Hà Nội	Thi công xử lý nền móng các công trình ngầm	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần FECON SOUTH	TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng nền móng của tòa nhà gồm thi công các loại cọc, xử lý nền	99,99%	99,99%	99,99%
Công ty Cổ phần Năng Lượng FECON (bao gồm tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Đầu tư FECON)	Hà Nội	Tư vấn đầu tư xây dựng	14,29%	99,99%	91,87%
FECON RAINBOW FOUNDATION CONSTRUCTION CO LTD	Myanmar	Khảo sát địa chất, xử lý nền móng, thi công cọc và dịch vụ thiết kế tại thị trường Myanmar	60%	60%	60%
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng (bao gồm tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Đầu tư FECON)	Thanh Hóa	Khai thác và chế biến khoáng sản	64%	99,999%	96,59%
Công ty Cổ phần Đầu tư năng lượng ECOTECH Việt Nam (bao gồm tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Đầu tư FECON)	Hà Nội	Sản xuất điện	48,997%	99,997%	95,85%

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con gián tiếp					
Công ty Cổ phần thi công cọc FECON số 1 (Sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON)	Hà Nội	Thi công xây dựng nền móng và công trình ngầm		99,89%	93,40 %
Công ty Cổ phần cọc khoan và kết cấu ngầm FECON (Sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON)	Hà Nội	Xây dựng nền móng, công trình ngầm, bao gồm cả ép cọc		99,89%	93,40%
Công ty Cổ phần Nông nghiệp hữu cơ Đông Khê (sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Đầu tư FECON)	Hà Nội	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh		97,22%	88,01%
Công ty TNHH MTV Thi công đường bộ FCI (sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng FECON)	Hà Nội	Thi công xây dựng và bán bê tông		100,00%	99,56%
Công ty Cổ phần Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng (sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Ecotech Việt Nam và Công ty Cổ phần Năng lượng Fecon)	Sóc Trăng	Sản xuất điện gió tại dự án Nhà máy Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng.		51,00%	47,85%
Công ty Cổ phần FECON Hiệp Hòa (Sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Đầu tư FECON)	Bắc Giang	Kinh doanh bất động sản		55,00%	49,79%
Công ty Cổ phần FECON Phố Yên (Sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Đầu tư FECON)	Thái Nguyên	Kinh doanh bất động sản		55,00%	49,79%
Công ty Cổ phần GF Homes (Sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Đầu tư FECON)	Đông Tháp	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất		50,90%	46,08%
Công ty Cổ phần GF Homes Bắc Ninh (Sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Đầu tư FECON)	Bắc Ninh	Tư vấn, môi giới, đầu giá bất động sản, đầu giá quyền sử dụng đất		50,90%	46,08%
Công ty Cổ phần địa kỹ thuật Tiên Tiến RAITO - FECON (Sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON RAITO)	Hà Nội	Thi công xử lý nền móng các công trình ngầm		99,98%	51,00%

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung bằng phần mềm Hệ thống Kế toán ERP SAP FPT.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào Công ty con và đầu tư khác

Đầu tư vào Công ty con: Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc, thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Bản quyền, bằng sáng chế và phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác được ghi nhận ban đầu theo giá mua trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Bản quyền, bằng sáng chế và phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 03 - 10 năm.

Nguyên tắc kế toán thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả về thuê tài chính trên bảng cân đối kế toán theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc theo thời hạn thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc, thiết bị	08-20
Phương tiện vận tải	09-10

Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)**Công ty là bên góp vốn**

Các khoản vốn bằng tiền và tài sản góp vào BCC được ghi nhận như một khoản công nợ phải thu trên Báo cáo tài chính.

Ghi nhận doanh thu, chi phí theo BCC: Ghi nhận doanh thu một lần khi hết thời hạn hợp tác kinh doanh theo quy định tại hợp đồng.

M: CÔ TI KIẾP A

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: Được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian phân bổ.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (đối với chi phí thuê văn phòng,...), theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 03 năm.

Giá trị quyền sử dụng văn phòng tại văn phòng Tháp C.E.O, lô HH2-1, Đô thị mới Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội, trong 48 năm. Công ty phân bổ theo thời gian 48 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau: Trích trước chi phí công trình theo các biên bản nghiệm thu khối lượng.

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: Khoản chênh lệch giữa giá bán và giá thuê lại tài sản thuê tài chính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ vào thời hạn thuê của hợp đồng

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm: Doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu xây lắp.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Đình Hạ,
đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của công trình xây lắp, giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Tiếp theo)

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế, Thuế suất thuế nhà thầu về thuế TNDN đối với thu nhập nhận từ khoản đầu tư nước ngoài là 25%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt	1.834.734.243	1.825.730.440
Tiền gửi ngân hàng	20.892.441.960	7.963.073.810
Các khoản tương đương tiền	4.550.000.000	4.550.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	4.550.000.000	4.550.000.000
Tổng	27.277.176.203	14.338.804.250

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	5.722.416.438	5.722.416.438	3.646.800.000	3.646.800.000
Tiền gửi có kỳ hạn	5.722.416.438	5.722.416.438	3.646.800.000	3.646.800.000
Dài hạn	2.635.014.000	2.635.014.000	2.635.014.000	2.635.014.000
Đầu tư mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động	2.635.014.000	2.635.014.000	2.635.014.000	2.635.014.000
Tổng	8.357.430.438	8.357.430.438	6.281.814.000	6.281.814.000

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**b. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	Tỷ lệ		30/6/2023 (VND)			01/01/2023 (VND)		
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá trị			Giá trị		
			Giá gốc	hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con			1.223.094.909.275			1.224.585.850.960		
Công ty Cổ phần Thiết bị FECON	86,14%	99,93%	12.490.000.000			12.490.000.000		
Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON	93,50%	93,50%	75.737.500.000			75.737.500.000		
FECON Trung Chính Myanmar	51,00%	51,00%	2.528.220.000			2.528.220.000		
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng FECON	99,56%	99,56%	76.846.777.737			76.846.777.737		
Trường THPT Ý Yên	72,90%	72,90%	3.700.200.000			3.700.200.000		
Công ty Cổ phần Đầu tư FECON	90,52%	90,52%	532.072.912.365			532.072.912.365		
Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON RAITO (ii) (<i>Trước đây là Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON</i>)	51,00%	51,00%	152.529.268.315			152.530.210.000		
Công ty Cổ phần FECON SOUTH	99,99%	99,99%	102.969.500.000			102.969.500.000		
Công ty Cổ phần Năng Lượng FECON	14,29%	99,99%	50.000.000.000			50.000.000.000		
FECON RAINBOW FOUNDATION CONSTRUCTION CO LTD	60,00%	60,00%	3.462.000.000			3.462.000.000		
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng	64,00%	99,999%	37.669.530.858			37.669.530.858		
Công ty Cổ phần đầu tư năng lượng ECOTECH Việt Nam	48,997%	99,997%	173.079.000.000			173.079.000.000		
Công ty TNHH MTV Nguồn Nhân Lực FECON (iii)			-			1.500.000.000		
Công ty Cổ phần địa kỹ thuật Tiên Tiến RAITO - FECON (iv)			10.000.000			-		

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**b. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

	Tỷ lệ		30/6/2023 (VND)			01/01/2023 (VND)		
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị		Giá gốc	Giá trị	
				hợp lý	Dự phòng		hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác			60.810.027.447		60.820.027.447			
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON			27.447	-	27.447	-		
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí	1,94%	1,94%	7.000.000.000	-	7.000.000.000	-		
Công ty Cổ phần địa kỹ thuật Tiên Tiến RAITO - FECON (iv)			-	-	10.000.000	-		
Công ty Cổ phần cho thuê thiết bị xây dựng KANAMOTO FECON HASSYU	11,85%	11,85%	16.000.000.000	-	16.000.000.000	-		
Hợp tác kinh doanh, đầu tư với các cá nhân			37.810.000.000	-	37.810.000.000	-		
Tổng			1.283.904.936.722	(i)	-	1.285.405.878.407	(i)	-

(i): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(ii): Trong kỳ, Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON (Nay là Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON RAITO) thực hiện tăng vốn điều lệ bằng việc thống nhất góp thêm vốn của cổ đông Công ty Cổ phần Raito Kogyo theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty số 01/2023/QĐ-FCU ngày 21/02/2023, theo đó vốn điều lệ của FCU từ 279.773.000.000 đồng tăng lên 317.599.800.000 đồng và giảm tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần FECON từ 57,9% xuống 51%. Đồng thời, trong kỳ Công ty cũng thực hiện chuyển nhượng 100 cổ phần tại Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON RAITO cho cổ đông cá nhân.

(iii): Trong kỳ, Công ty thực hiện chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH MTV Nguồn Nhân Lực FECON theo Nghị quyết 23/2023/NQ-TTHĐQT.FECON ngày 30/5/2023.

(iv): Trong kỳ, Công ty Cổ phần địa kỹ thuật tiên tiến RAITO - FECON trở thành công ty con gián tiếp của Công ty thông qua Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON RAITO

(v): Các giao dịch giữa Công ty và các Công ty con trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 7.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn	1.248.114.455.386	1.102.701.618.985
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban QLDA Nhiệt điện Long Phú	62.553.118.955	62.553.118.955
Công ty Posco E&C-Thầu chính Gói thầu A2 thuộc dự án hóa dầu miền Nam Việt Nam	22.040.628.947	22.204.245.170
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	24.977.665.735	26.406.888.856
Công ty TNHH Doosan Enerbility Việt Nam	40.820.700.000	22.487.461.683
Liên danh Hyundai E&C-GHELLA-TC gói thầu CP-03 DA Đường sắt ĐT thí điểm TP HN, đoạn Nhỏn - ga Hà Nội	53.990.993.185	66.000.185.704
Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Nhơn Trạch	18.225.224.644	24.848.062.156
Công ty China Harbour Engineering co.,Ltd - Thầu phụ thi công xây dựng công trình biển dự án Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng II	163.448.776.139	20.985.220.090
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	138.609.604.619	96.884.800.005
Phải thu các đối tượng khác	723.447.743.162	760.331.636.366
Tổng	1.248.114.455.386	1.102.701.618.985
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>82.564.170.389</i>	<i>50.575.949.539</i>

5.4 Trả trước cho người bán

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn	247.177.643.643	207.509.411.982
Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thông Thuận	40.000.000.000	40.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư FECON	20.518.358.436	11.003.425.068
Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON	30.823.373.040	5.423.373.040
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng FECON	6.510.000.000	15.651.099.980
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Cảng	26.000.000.000	26.000.000.000
Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON RAITO	28.870.999.831	20.800.000.000
Các đối tượng khác	94.454.912.336	88.631.513.894
Tổng	247.177.643.643	207.509.411.982
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trả trước các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>95.470.411.741</i>	<i>52.877.898.088</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	550.000.000	-	15.530.000.000	-
Công ty TNHH MTV Nguồn Nhân lực FECON	-	-	30.000.000	-
Công ty Cổ phần Tổng hợp xây dựng công trình 69	550.000.000	-	550.000.000	-
Công ty Cổ phần Năng lượng FECON	-	-	14.950.000.000	-
Tổng	550.000.000	-	15.530.000.000	-
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	-	-	14.950.000.000	-

5.6 Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	351.629.618.166	-	406.807.023.065	-
Phải thu cổ tức	37.054.489.714	-	95.243.589.878	-
CTCP FECON SOUTH	8.223.200.000	-	2.029.750.000	-
CTCP Cọc và Xây dựng FECON	6.059.000.000	-	18.934.375.000	-
CTCP Năng lượng FECON	-	-	10.000.000.000	-
CTCP Đầu tư FECON	-	-	51.417.963.000	-
CTCP Thiết bị FECON	8.743.000.000	-	4.996.000.000	-
CTCP Xây dựng Hạ tầng FECON	4.713.545.324	-	4.713.545.324	-
CTCP Khoáng sản FECON Hải Đăng	9.315.744.390	-	2.522.312.714	-
Công ty Cổ phần FECON MILTEC	-	-	629.643.840	-
Các khoản phải thu khác	39.707.070.494	-	32.331.139.625	-
CTCP Cọc và Xây dựng FECON	8.831.395.987	-	1.169.823.879	-
CTCP Xây dựng Hạ tầng FECON	-	-	11.717.004.970	-
CTCP Công trình ngầm Fecon Raito	16.412.162.926	-	171.841.032	-
Các đối tượng khác	14.463.511.581	-	19.272.469.744	-
Tạm ứng	274.868.057.958	-	279.232.293.562	-
Dài hạn	15.447.298.428	-	102.065.933.696	-
Ký cược, ký quỹ	10.027.468.595	-	10.864.268.595	-
Công ty cổ phần đầu tư năng lượng ECOTECH Việt Nam	-	-	84.106.164.380	-
Phải thu khác (*)	5.419.829.833	-	7.095.500.721	-
Tổng	367.076.916.594	-	508.872.956.761	-
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	65.705.471.238	-	194.655.943.244	-

(*) Thuế GTGT phải thu các Công ty cho thuê tài chính theo các hợp đồng thuê tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.7 Hàng tồn kho

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	13.852.825.558	-	13.907.678.056	-
Công cụ, dụng cụ	1.058.760.150	-	1.088.320.435	-
Chi phí SX KDDD	1.230.044.213.618	-	1.167.677.698.296	-
Hàng hóa	37.325.733.546	-	35.414.004.620	-
Tổng	1.282.281.532.872	-	1.218.087.701.407	-

5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn	11.093.562.148	12.059.479.826
Công cụ dụng cụ	7.594.905	31.487.263
Chi phí thuê kho, văn phòng	181.058.399	392.794.927
Chi phí mua phần mềm	900.347.423	1.227.501.428
Phí bảo hiểm	40.836.838	82.364.341
Chi phí khác	9.963.724.583	10.325.331.867
Dài hạn	69.316.118.419	70.640.006.785
Công cụ dụng cụ	2.639.285.265	2.757.170.332
Chi phí sửa chữa	928.099.371	1.506.183.120
Tiền thuê văn phòng, thuê tài sản	46.825.793.046	47.622.245.480
Chi phí phần mềm	11.500.000	21.450.000
Chi phí khác	18.911.440.737	18.732.957.853
Tổng	80.409.680.567	82.699.486.611

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2023	23.612.780.320	217.174.965.585	11.837.731.924	1.614.913.931	20.045.515.583	274.285.907.343
Tăng trong kỳ	-	3.624.489.918	1.159.735.815	61.818.182	587.695.083	5.433.738.998
Mua trong kỳ	-	37.418.318	-	61.818.182	587.695.083	686.931.583
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	3.587.071.600	1.159.735.815	-	-	4.746.807.415
Giảm trong kỳ	-	16.717.538.654	1.158.181.599	-	1.958.662.969	19.834.383.222
Chuyển sang tài sản thuê tài chính	-	13.130.467.054	1.158.181.599	-	-	14.288.648.653
Thanh lý, nhượng bán	-	3.587.071.600	-	-	1.958.662.969	5.545.734.569
Số dư tại 30/6/2023	23.612.780.320	204.081.916.849	11.839.286.140	1.676.732.113	18.674.547.697	259.885.263.119
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2023	4.734.573.916	106.777.420.234	9.033.565.045	1.121.790.255	14.425.798.223	136.093.147.673
Tăng trong kỳ	520.084.530	5.553.304.102	656.299.027	69.822.555	569.835.716	7.369.345.930
Khấu hao trong kỳ	520.084.530	5.462.683.356	306.506.510	69.822.555	569.835.716	6.928.932.667
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	90.620.746	349.792.517	-	-	440.413.263
Giảm trong kỳ	-	3.687.260.605	427.563.135	-	872.417.350	4.987.241.090
Chuyển sang tài sản thuê tài chính	-	3.583.706.009	427.563.135	-	-	4.011.269.144
Thanh lý, nhượng bán	-	103.554.596	-	-	872.417.350	975.971.946
Số dư tại 30/6/2023	5.254.658.446	108.643.463.731	9.262.300.937	1.191.612.810	14.123.216.589	138.475.252.513
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2023	18.878.206.404	110.397.545.351	2.804.166.879	493.123.676	5.619.717.360	138.192.759.670
Tại 30/6/2023	18.358.121.874	95.438.453.118	2.576.985.203	485.119.303	4.551.331.108	121.410.010.606

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại thời điểm ngày 30/6/2023 là 63.281.685.515 đồng (Tại ngày 01/01/2023 là 68.303.359.913 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm ngày 30/6/2023 là 45.385.997.842 đồng (Tại ngày 01/01/2023 là 42.835.316.022 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.10 Tăng, giảm tài sản thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2023	192.071.263.224	11.944.001.607	204.015.264.831
Tăng trong kỳ	8.809.366.246	707.613.616	9.516.979.862
Thuê trong kỳ	8.809.366.246	707.613.616	9.516.979.862
Giảm trong kỳ	3.575.271.600	1.155.995.055	4.731.266.655
Mua lại tài sản thuê tài chính	3.575.271.600	1.155.995.055	4.731.266.655
Số dư tại 30/6/2023	197.305.357.870	11.495.620.168	208.800.978.038
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2023	33.599.239.899	2.352.037.426	35.951.277.325
Tăng trong kỳ	8.938.172.087	629.035.214	9.567.207.301
Khấu hao trong kỳ	8.938.172.087	629.035.214	9.567.207.301
Giảm trong kỳ	90.620.746	349.792.517	440.413.263
Mua lại tài sản thuê tài chính	90.620.746	349.792.517	440.413.263
Số dư tại 30/6/2023	42.446.791.240	2.631.280.123	45.078.071.363
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2023	158.472.023.325	9.591.964.181	168.063.987.506
Tại 30/6/2023	154.858.566.630	8.864.340.045	163.722.906.675

5.11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm tin học	TSCĐ vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2023	241.800.000	27.172.252.475	925.117.257	28.339.169.732
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2023	241.800.000	27.172.252.475	925.117.257	28.339.169.732
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2023	113.364.452	16.602.936.963	608.084.725	17.324.386.140
Tăng trong kỳ	14.988.288	1.658.301.434	12.826.500	1.686.116.222
Khấu hao trong kỳ	14.988.288	1.658.301.434	12.826.500	1.686.116.222
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2023	128.352.740	18.261.238.397	620.911.225	19.010.502.362
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2023	128.435.548	10.569.315.512	317.032.532	11.014.783.592
Tại 30/6/2023	113.447.260	8.911.014.078	304.206.032	9.328.667.370

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm ngày 30/6/2023 là 869.552.747 đồng (Tại ngày 01/01/2023 là 869.552.747 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.14 Người mua trả tiền trước

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	219.829.349.053	164.376.073.425
Công ty Cổ phần FECON SOUTH	7.000.000.000	-
Công ty TNHH Phong Điện Hòa Đông	3.056.906.604	3.056.906.604
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Hateco Hải Phòng	36.385.006.436	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Phú Hải	11.128.832.312	16.896.233.312
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	19.059.763.561	14.504.686.398
Công ty TNHH Phát triển Nam Hội An	18.481.656.551	18.481.656.551
Công ty China Harbour Engineering Co.,Ltd - Thủ phụ thi công xây dựng công trình biển đa nhà máy nhiệt điện Vũng Áng II	14.312.370.510	32.478.368.430
Các đối tượng khác	110.404.813.079	78.958.222.130
Tổng	219.829.349.053	164.376.073.425

Trong đó:

*Người mua ứng tiền trước là các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)*

63.025.000.000

-

5.15 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2023
Phải nộp	4.164.296.443	7.720.072.261	5.408.835.062	6.475.533.642
Thuế giá trị gia tăng	-	74.320.959	74.320.959	-
Thuế XNK	-	68.773.885	68.773.885	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.389.335	1.226.675.065	91.371.690	1.155.692.710
Thuế thu nhập cá nhân	4.143.907.108	6.306.477.973	5.130.544.149	5.319.840.932
Thuế nhà thầu	-	25.441.828	25.441.828	-
Lệ phí môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	15.382.551	15.382.551	-

5.16 Chi phí phải trả

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	107.948.989.861	67.308.262.333
Trích trước chi phí các công trình	107.948.989.861	67.308.262.333
Tổng	107.948.989.861	67.308.262.333

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.17 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	282.480.398.099	213.998.723.821
Kinh phí công đoàn	751.777.593	815.902.074
Bảo hiểm xã hội	543.914.425	-
Bảo hiểm y tế	96.594.525	-
Bảo hiểm thất nghiệp	42.478.600	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.000.000.000	-
Phải trả, phải nộp khác	274.045.632.956	213.182.821.747
<i>Công ty TNHH Geoharbour Holding (i)</i>	<i>9.955.679.021</i>	<i>9.955.679.021</i>
<i>Công ty CP Công trình ngầm FECON RAITO (ii)</i>	<i>136.400.271.947</i>	<i>116.107.954.347</i>
<i>Công ty Cổ phần Năng lượng FECON (iii)</i>	<i>45.772.126.027</i>	<i>-</i>
<i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả</i>	<i>80.606.569.900</i>	<i>47.231.701.500</i>
<i>Công ty Cổ phần NH2KM</i>	<i>-</i>	<i>755.124.163</i>
<i>Các khoản phải trả theo L/C Upas</i>	<i>-</i>	<i>36.003.084.681</i>
<i>Các khoản phải trả phải nộp khác</i>	<i>1.310.986.061</i>	<i>3.129.278.035</i>
Tổng	282.480.398.099	213.998.723.821
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả khác là các bên liên quan</i>	<i>182.172.397.974</i>	<i>116.107.954.347</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>		

(i): Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 09/01/2018 giữa bên chuyển nhượng Công ty TNHH Geoharbour Holding và Bên nhận chuyển nhượng Công ty Cổ phần FECON; Cổ phần chuyển nhượng: Cổ phần của Công ty Cổ phần xử lý nền và xây dựng FECON; Số lượng: 5.070.857 cổ phần; Giá chuyển nhượng: 47.095.000.000 đồng.

(ii): Các khoản vay giữa Công ty Cổ phần FECON và Công ty Cổ phần Công trình ngầm Fecon (nay là Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON RAITO) theo các hợp đồng cho vay với lãi suất từ 4,5%/năm đến 8%/năm.

(iii): Các khoản vay giữa Công ty Cổ phần FECON và Công ty Cổ phần Năng lượng FECON theo các hợp đồng cho vay với lãi suất từ 3,1%/năm đến 4,3%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.18 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	30/6/2023		Trong kỳ		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay						
Vay ngắn hạn	1.058.628.206.733	1.058.628.206.733	841.361.515.527	845.070.082.319	1.062.336.773.525	1.062.336.773.525
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô (1)	572.988.148.110	572.988.148.110	380.304.384.074	369.989.545.989	562.673.310.025	562.673.310.025
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Quân Đội - Chi Nhánh Sở Giao Dịch 1 (2)	162.358.806.353	162.358.806.353	148.021.124.672	169.200.842.933	183.538.524.614	183.538.524.614
Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nội (3)	29.835.428.486	29.835.428.486	29.885.428.486	25.389.273.819	25.339.273.819	25.339.273.819
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (4)	43.175.165.769	43.175.165.769	48.175.165.769	81.748.442.122	76.748.442.122	76.748.442.122
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ (5)	19.584.795.217	19.584.795.217	19.584.795.217	31.589.480.481	31.589.480.481	31.589.480.481
Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam - Khối NH bán buôn (6)	7.806.404.346	7.806.404.346	7.806.404.346	16.314.268.231	16.314.268.231	16.314.268.231
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội (7)	70.191.314.905	70.191.314.905	70.191.314.905	52.009.899.204	52.009.899.204	52.009.899.204
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (8)	111.341.480.784	111.341.480.784	96.046.235.295	73.357.823.593	88.653.069.082	88.653.069.082
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (9)	5.346.662.763	5.346.662.763	5.346.662.763	11.251.335.886	11.251.335.886	11.251.335.886
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam (10)	-	-	11.000.000.000	3.219.170.061	3.219.170.061	3.219.170.061
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (11)	11.000.000.000	11.000.000.000	25.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000
	25.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

	30/6/2023		Trong kỳ		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	73.663.636.364	73.663.636.364	-	72.324.982.877	145.988.619.241	145.988.619.241
Công ty cổ phần chứng khoán Dầu khí (12)	73.663.636.364	73.663.636.364	-	48.900.000.000	122.563.636.364	122.563.636.364
- Mệnh giá trái phiếu	75.000.000.000	75.000.000.000	-	50.000.000.000	125.000.000.000	125.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(1.336.363.636)	(1.336.363.636)	-	(1.100.000.000)	(2.436.363.636)	(2.436.363.636)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	-	-	-	23.424.982.877	23.424.982.877	23.424.982.877
- Mệnh giá trái phiếu	-	-	-	23.750.000.000	23.750.000.000	23.750.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	-	-	-	(325.017.123)	(325.017.123)	(325.017.123)
Vay dài hạn	12.000.000.000	12.000.000.000	-	-	12.000.000.000	12.000.000.000
Trần Ngọc Dương (13)	12.000.000.000	12.000.000.000	-	-	12.000.000.000	12.000.000.000
b. Thuê tài chính	58.231.951.873	58.231.951.873	10.468.677.849	28.317.653.913	76.080.927.937	76.080.927.937
Thuê tài chính từ 1 đến 5 năm						
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NH TMCP Ngoại thương Việt Nam	176.130.685	176.130.685	-	211.356.798	387.487.483	387.487.483
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV - Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam	37.092.153.126	37.092.153.126	10.468.677.849	13.620.860.583	40.244.335.860	40.244.335.860
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	6.890.851.927	6.890.851.927	-	3.721.530.738	10.612.382.665	10.612.382.665
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV-Sumi Trust - CN Hà Nội	13.354.593.595	13.354.593.595	-	10.280.235.450	23.634.829.045	23.634.829.045
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội	593.633.900	593.633.900	-	296.786.964	890.420.864	890.420.864
Công ty Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP HCM	124.588.640	124.588.640	-	186.883.380	311.472.020	311.472.020
Tổng	1.202.523.794.970	1.202.523.794.970	851.830.193.376	945.712.719.109	1.296.406.320.703	1.296.406.320.703

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)*Đơn vị tính: VND*

c. Nợ thuê tài chính	Cho năm kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023			Cho năm kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Công ty TNHH MTV cho thuê Tài chính - NH TMCP Ngoại thương Việt Nam	226.595.817	15.239.019	211.356.798	241.163.415	29.806.617	211.356.798
Công ty Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	16.053.837.231	2.432.976.648	13.620.860.583	11.794.157.174	1.277.278.531	10.516.878.643
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	4.165.185.039	443.654.301	3.721.530.738	15.919.535.436	1.032.026.122	14.887.509.314
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV-Sumi Trust - CN Hà Nội	11.209.475.948	929.240.498	10.280.235.450	14.327.531.586	1.695.024.636	12.632.506.950
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội	335.254.027	38.467.063	296.786.964	2.617.533.725	149.280.875	2.468.252.850
Công ty Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP HCM	200.449.051	13.565.671	186.883.380	216.308.111	29.424.731	186.883.380
Tổng	32.190.797.113	3.873.143.200	28.317.653.913	45.116.229.447	4.212.841.512	40.903.387.935

(1) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/132625/HĐTDHM ngày 14/7/2022 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô và Công ty Cổ phần FECON. Hạn mức cấp tín dụng 1.500 tỷ đồng trong đó hạn mức vay vốn, LC, bảo lãnh thanh toán là 700 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh (không bao gồm bảo lãnh thanh toán) là 800 tỷ đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C; Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, tối đa tới ngày 31/7/2023. Biện pháp bảo đảm theo các Hợp đồng bảo đảm được thỏa thuận giữa 2 bên; Lãi suất được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

(2) Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 108516.22.002.966899.TD ngày 19/12/2022 giữa Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 và Công ty Cổ phần FECON. Hạn mức cấp tín dụng 750 tỷ đồng, trong đó hạn mức cho vay là 300 tỷ đồng, hạn mức thấu chi là 4 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh thanh toán là 20 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh ngoài thanh toán là 450 tỷ đồng, hạn mức phát hành LC (không gồm LC xuất khẩu) là 20 tỷ đồng. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, LC phục vụ hoạt động xây dựng của khách hàng. Thời hạn cấp tín dụng tối đa đến ngày 30/11/2023. Lãi suất cho vay được quy định chi tiết theo từng lần giải ngân. Tài sản đảm bảo: Theo danh mục tài sản đảm bảo tại Hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(3) Hợp đồng tín dụng số 10160/23MB/HĐTD ngày 28/06/2023 giữa Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nội và Công ty Cổ phần FECON; Hạn mức cấp tín dụng 100 tỷ đồng bao gồm toàn bộ số dư theo hợp đồng tín dụng số 18416/22MB/HĐTD ngày 21/6/2022 và các phụ lục hợp đồng kèm theo. Trong đó hạn mức cho vay không vượt quá 50 tỷ đồng, hạn mức cấp bảo lãnh không vượt quá 100 tỷ đồng, hạn mức phát hành thư tín dụng (LC) không vượt quá 100 tỷ đồng; Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 28/06/2023; Mục đích sử dụng hạn mức tín dụng là cho vay, phát hành bảo lãnh, phát hành LC phục vụ thi công dự án, công trình, hợp đồng do bên được cấp tín dụng thực hiện; Lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong từng Khế ước nhận nợ/Hợp đồng cấp tín dụng/ Hợp đồng cấp bảo lãnh. Tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ là Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai và/hoặc đã hình thành từ hợp đồng thi công và các phụ lục sửa đổi bổ sung kèm theo (nếu có) giữa bên được cấp tín dụng và bên thanh toán và các tài sản khác thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty Cổ phần FECON và/hoặc Bên thứ ba.

(4) Hợp đồng tín dụng số 506701923 ngày 18/05/2023 giữa Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch và Công ty Cổ phần FECON; Hạn mức cấp tín dụng 200 tỷ đồng bao gồm cho vay ngắn hạn và cam kết bảo lãnh; Mục đích cấp tín dụng: Đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh theo đăng ký kinh doanh của Bên được cấp tín dụng; Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Lãi suất: Thả nổi được xác định tại thời điểm giải ngân/thời điểm điều chỉnh lãi suất; Tài sản đảm bảo: Quyền phải thu từ các hợp đồng kinh tế cụ thể do VIB tài trợ (ngoại trừ các đối tác Bitexco, Cienco, Công ty Nam Cường, các đối tác có vốn/Công ty mẹ thuộc sở hữu Trung Quốc/Đài Loan); Cấp tín dụng không có tài sản bảo đảm đối với hạn mức bảo lãnh dự thầu tối đa 30 tỷ đồng và bảo lãnh bảo hành tối đa 10 tỷ đồng.

(5) Hợp đồng tín dụng số 1400-LAV-2023.300260 ngày 10/04/2023 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ và Công ty Cổ phần FECON; Hạn mức cấp tín dụng 150 tỷ đồng bao gồm cho vay, cam kết bảo lãnh (trừ bảo lãnh vay vốn, xác nhận bảo lãnh và bảo lãnh trên cơ sở bảo lãnh đối ứng của các tổ chức khác) và các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của pháp luật và Agribank, trong đó hạn mức cho vay tối đa là 100 tỷ đồng; Thời hạn cho vay là theo từng giấy nhận nợ cụ thể, thời gian duy trì hạn mức cấp tín dụng đến hết ngày 30/09/2023; Mục đích vay: vay vốn bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh thực hiện phương án sản xuất kinh doanh năm 2022 - 2023 ; Lãi suất cho vay được quy định theo từng giấy nhận nợ. Cho vay có đảm bảo một phần bằng tài sản, tài sản đến đâu giải ngân đến đó, đảm bảo tại mọi thời điểm duy trì được tỷ lệ tài sản tối thiểu.

(6) Theo hợp đồng mức/hạn mức chiết khấu (áp dụng với Chiết khấu BCT kèm hồi phiếu theo phương thức thanh toán trả sau) số HSO20231007997 ngày 09/05/2023 giữa Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam và Công ty Cổ phần FECON; Giá trị hạn mức chiết khấu BCT kèm hồi phiếu theo phương thức thanh toán trả sau: 20 tỷ đồng; Tỷ lệ chiết khấu BCT theo phương thức thanh toán trả sau: Tỷ lệ chiết khấu tối đa là 100% giá trị hồi phiếu hoặc hóa đơn. Mục đích sử dụng tiền chiết khấu BCT: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, được nêu cụ thể tại đề nghị chiết khấu BCT theo phương thức thanh toán trả sau; Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; lãi suất và phí chiết khấu được quy định cụ thể trên đề nghị chiết khấu BCT theo phương thức thanh toán trả sau; Đồng tiền BTT là VND; Biện pháp bảo đảm theo quy định của Techcombank từng thời kỳ được quy định cụ thể trong các hợp đồng bảo đảm. Đây là hình thức thực hiện khi Fecon nhận một số khoản thanh toán của chủ đầu tư thuộc hệ thống VinGroup.

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (7) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng UOB/HCMC/CASL/19202 ngày 03/01/2020, Bản sửa đổi thứ nhất Hợp đồng tín dụng số UOB/HN/CASL/20227 ngày 25/12/2020 và Bản sửa đổi thứ hai Hợp đồng tín dụng số UOB/HN/CASL/21215 ngày 25/11/2021 giữa Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội và Công ty Cổ phần FECON. Hạn mức vay tài trợ thương mại 200.000.000.000 đồng; Mục đích: Tài trợ nhập khẩu, mua vật liệu, hàng hóa và các dịch vụ trong nước; Kỳ hạn tối đa 6 tháng kể từ thời điểm giải ngân. Hạn mức bảo lãnh 200.000.000.000 đồng; Mục đích: Dành cho việc phát hành bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh ứng trước, bảo lãnh bảo hành; Kỳ hạn tối đa 03 năm cho tất cả các bảo lãnh ngoại trừ bảo lãnh thanh toán là 01 năm; Bảo lãnh thanh toán và bảo lãnh ứng trước được giới hạn ở mức 10% - 15% giá trị hợp đồng hoặc tùy vào quyết định của ngân hàng; Biện pháp bảo đảm: Thế chấp các hợp đồng của bên vay được ngân hàng tài trợ sẽ phải đăng ký giao dịch bảo đảm (không áp dụng cho bảo lãnh dự thầu), đối với mỗi hợp đồng được ngân hàng tài trợ phải chỉ rõ qua tài khoản của bên vay được mở tại ngân hàng, các hợp đồng tài trợ phải được ngân hàng xác nhận.
- (8) Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2023-HĐCVHM/NHCT326-FECON ngày 12/07/2023 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long và Công ty Cổ phần FECON; Hạn mức cho vay 260.000.000.000 đồng; Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 12/07/2023 đến hết ngày 12/07/2024; Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động, phát hành LC phục vụ hoạt động SXKD của bên vay; Lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ; Biện pháp bảo đảm: Theo các cam kết bảo lãnh/Hợp đồng bảo đảm bảo mà bên vay và/hoặc tổ chức/cá nhân khác ký kết với bên cho vay và/hoặc các biện pháp bảo đảm khác.
- (9) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 08/2023/HDTD/TTKHDNL MB2 ngày 06/07/2023 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong và Công ty Cổ phần FECON; Hạn mức cấp tín dụng 500 tỷ đồng trong đó hạn mức cho vay tối đa là 200 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh tối đa là 500 tỷ đồng; Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng này; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động thi công xây lắp và lắp đặt của khách hàng; Thời hạn của mỗi khoản vay trong hạn mức theo từng phương án kinh doanh đảm bảo không vượt quá 9 tháng/khế ước nhận nợ, được quy định cụ thể tại văn bản nhận nợ giữa TPBank và khách hàng; Lãi suất cho vay được quy định tại từng văn bản nhận nợ của khách hàng; Biện pháp bảo đảm: Theo các hợp đồng bảo đảm và hợp đồng thế chấp tài sản, ký quỹ giữa ngân hàng và khách hàng.
- (10) Khoản vay theo Hợp đồng vay vốn số 2023-00010-000 ngày 13/1/2023 giữa Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam (VILC) và Công ty Cổ phần FECON; Số tiền vay: 11 tỷ đồng; Lãi suất quy định cụ thể tại từng lần giải ngân; Ngày đến hạn liên quan đến từng lần giải ngân theo Hợp đồng là 06 tháng kể từ ngày giải ngân.
- (11) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 033/2022/HMHMTD/PVB-CNTB ngày 30/12/2022 giữa Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình và Công ty Cổ phần FECON; Hạn mức cấp tín dụng 25 tỷ đồng; Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh; Lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong từng Hợp đồng cho vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(12) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 1406/HĐĐM/FCN-PSI/FCNH2223001 ngày 14/06/2022, 1606/HĐĐM/FCN-PSI/FCNH2223001 ngày 16/06/2022, 2306/HĐĐM/FCN-PSI/FCNH2223001 ngày 23/6/2022 và 1107/HĐĐM/FCN-PSI/FCNH2223001 ngày 11/07/2022 giữa Công ty Cổ phần FECON (Tổ chức phát hành) và Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (Nhà đầu tư); Hợp đồng tư vấn chào bán và đại lý phát hành trái phiếu số 749/2022/TVDLPH/FCN-PSI ngày 06/6/2022; Hợp đồng đại lý lưu ký và thanh toán số 755/2022/HĐĐLLK/FCN-PSI ngày 06/6/2022; Hợp đồng quản lý tài sản bảo đảm số 756/2022/HĐQLTSBD/FCN-PSI ngày 06/06/2022. Trái phiếu được phát hành cho các nhà đầu tư dưới hình thức chào bán riêng lẻ. Mệnh giá mỗi trái phiếu là 1.000.000 đồng. Số lượng trái phiếu phát hành 150.000 trái phiếu; Kỳ tính lãi 03 tháng một lần; Biện pháp bảo đảm: Cổ phần của Tổ chức phát hành tại Công ty Cổ phần Đầu tư FECON và Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON.

(13) Hợp đồng vay tiền số 0810/2019/HĐ-KT.FECON ngày 11/5/2020 giữa ông Trần Ngọc Dương (Tư cách là bên cho vay) và Công ty Cổ phần FECON; Số tiền vay là 12 tỷ đồng; mục đích vay: bổ sung nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh; thời hạn vay ban đầu 24 tháng; thời hạn gia hạn: 36 tháng; phương thức trả lãi vào ngày 20 hàng tháng bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản; Cam kết của bên vay: Bên vay bảo đảm bằng mọi biện pháp, bao gồm tất cả và toàn bộ số dư tài khoản tại ngân hàng, các tài sản (bao gồm bất động sản và động sản) mà bên vay là chủ sở hữu hợp pháp, bất kể ở thời điểm hiện tại và tương lai để hoàn trả khoản vay/hoặc các tài khoản tiền mà bên vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.19 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2022	1.574.390.050.000	517.556.564.217	-	297.446.985.202	111.877.111.655	2.501.270.711.074
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	60.267.274.747	60.267.274.747
Chia trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	(47.231.701.500)	(47.231.701.500)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(4.847.868.239)	(4.847.868.239)
Các khoản phạt thuế	-	-	-	-	(54.253.638)	(54.253.638)
Số dư tại 31/12/2022	1.574.390.050.000	517.556.564.217	-	297.446.985.202	120.010.563.025	2.509.404.162.444
Số dư tại 01/01/2023	1.574.390.050.000	517.556.564.217	-	297.446.985.202	120.010.563.025	2.509.404.162.444
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	29.284.805.710	29.284.805.710
Chia trả cổ tức bằng tiền (i)	-	-	-	-	(78.719.502.500)	(78.719.502.500)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	-	(6.026.727.475)	(6.026.727.475)
Số dư tại 30/6/2023	1.574.390.050.000	517.556.564.217	-	297.446.985.202	64.549.138.760	2.453.942.738.179

(i): Công ty thực hiện phân phối Lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ.FECON ngày 27/4/2023 như sau:

- + Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi: 6.026.727.475 đồng.
- + Chia cổ tức bằng tiền: 78.719.502.500 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	1.574.390.050.000	1.574.390.050.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối năm	1.574.390.050.000	1.574.390.050.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	78.719.502.500	47.231.701.500

c. Cổ phiếu

	30/6/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	157.439.005	157.439.005
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	157.439.005	157.439.005
Cổ phiếu phổ thông	157.439.005	157.439.005
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	157.439.005	157.439.005
Cổ phiếu phổ thông	157.439.005	157.439.005
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Doanh thu bán hàng	114.487.894.312	90.501.570.823
Doanh thu xây lắp	744.585.917.697	733.359.397.094
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.542.593.182	8.048.887.709
Tổng	876.616.405.191	831.909.855.626
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>120.529.875.198</i>	<i>47.970.950.128</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN
 KIỂM TOÁN
 VÀ
 TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

6.2 Giá vốn về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Giá vốn bán hàng	114.273.726.228	90.497.906.177
Giá vốn xây lắp	629.050.922.949	666.559.072.058
Giá vốn cung cấp dịch vụ	15.896.976.799	7.142.751.852
Tổng	759.221.625.976	764.199.730.087

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.517.395.829	2.749.792.480
Lãi bán các khoản đầu tư	510.767	7.370.496.508
Cổ tức, lợi nhuận được chia	26.093.200.000	30.802.420.324
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.778.004.834	531.101.200
Chiết khấu thanh toán	73.772.550	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	409.311.681	-
Tổng	29.872.195.661	41.453.810.512
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu tài chính với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>27.373.742.464</i>	<i>33.204.729.225</i>

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Lãi tiền vay	64.895.243.363	45.667.661.260
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	1.052.000.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.185.588.192	236.029.251
Chi phí tài chính khác	1.519.084.556	1.022.916.668
Tổng	68.651.916.111	46.926.607.179
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí tài chính với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>3.464.443.627</i>	<i>2.601.455.784</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí bán hàng	6.233.288.880	7.119.812.523
Chi phí nhân viên	5.187.765.472	6.150.043.928
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	32.535.798	35.513.149
Chi phí khấu hao TSCĐ	54.769.337	51.611.547
Chi phí dịch vụ mua ngoài	787.727.273	737.533.899
Chi phí bằng tiền khác	170.491.000	145.110.000
Chi phí quản lý	41.315.216.634	44.415.139.361
Chi phí nhân viên quản lý	27.370.219.278	28.564.060.776
Chi phí vật liệu quản lý	618.838.754	557.857.429
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.552.572.695	1.747.984.449
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.566.218.400	2.529.548.022
Thuế phí và lệ phí	280.667.388	1.331.388.244
Chi phí dự phòng	-	(319.580.623)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.702.296.066	5.979.024.974
Chi phí bằng tiền khác	3.224.404.053	4.024.856.090
Tổng	47.548.505.514	51.534.951.884

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Thu nhập khác		
Thu thanh lý tài sản, vật tư	-	23.319.698
Thu tiền phạt, tiền bồi thường	264.745.761	-
Thu nhập khác	3.448.121	98.291.810
Tổng	268.193.882	121.611.508
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý, chi phí thanh lý	381.126.260	-
Phạt vi phạm hợp đồng, chậm tiến độ dự án	426.752.413	391.545.479
Phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm, vi phạm hành chính	15.382.551	441.714.720
Chi phí khác	5.134	3.089.179
Tổng	823.266.358	836.349.378
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(555.072.476)	(714.737.870)

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.511.480.775	9.987.639.118
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(24.378.105.452)	(28.816.303.386)
+ Các khoản điều chỉnh tăng	1.715.094.548	1.986.116.938
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>1.715.094.548</i>	<i>1.986.116.938</i>
+ Các khoản điều chỉnh giảm	26.093.200.000	30.802.420.324
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>26.093.200.000</i>	<i>30.802.420.324</i>
Tổng thu nhập tính thuế (Thuế suất 20%)	6.133.375.323	(18.828.664.268)
Thuế suất TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.226.675.065	-

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	156.175.525.162	164.158.052.712
Chi phí nhân công	52.887.469.232	66.523.779.099
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.182.256.190	18.300.903.387
Chi phí dịch vụ mua ngoài	451.268.059.074	444.820.799.761
Chi phí khác bằng tiền	75.750.090.341	37.297.418.000
Chi phí dự phòng	-	(319.580.623)
Tổng	754.263.399.999	730.781.372.336

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Danh sách các bên liên quan của Công ty như sau:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Xây dựng hạ tầng FECON	Công ty con
Trường PTTH Ý Yên	Công ty con
Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON RAITO (<i>Trước đây là Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON</i>)	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư FECON	Công ty con
Công ty Cổ phần Nông nghiệp hữu cơ Đông Khê	Công ty con
Công ty Cổ phần FECON South	Công ty con
Công ty Cổ phần Năng lượng FECON	Công ty con
Công ty TNHH Xây dựng nền móng FECON - Rainbow	Công ty con
Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON	Công ty con
Công ty TNHH Xây dựng FECON Trung Chính Myanmar	Công ty con
Công ty Cổ phần Thiết bị FECON	Công ty con
Công ty TNHH MTV Thi công đường bộ FCI	Công ty con
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng	Công ty con
Công ty Cổ phần Thi công cọc FECON số 1	Công ty con
Công ty Cổ phần Cọc khoan và Kết cấu ngầm FECON	Công ty con
Công ty cổ phần đầu tư năng lượng ECOTECH Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng	Công ty con
Công ty Cổ phần Fecon Hiệp Hòa	Công ty con
Công ty Cổ phần Fecon Phố Yên	Công ty con
Công ty Cổ phần GF Homes	Công ty con
Công ty Cổ phần GF Homes Bắc Ninh	Công ty con
Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật Tiên Tiến RAITO - FECON	Công ty con
Công ty Cổ phần Thiết bị điện	Công ty liên quan của người nội bộ
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư đó	Công ty liên quan của người nội bộ
Công ty Cổ phần Raito Kogyo	Cổ đông lớn
Quỹ đầu tư hạ tầng Red One	Cổ đông lớn
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Thủ lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

		<u>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND</u>	<u>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND</u>
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành, Ban Kiểm soát	Lương và thù lao	8.725.557.951	9.584.155.853
Tổng		8.725.557.951	9.584.155.853

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**Số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu khách hàng		82.564.170.389	50.575.949.539
Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON	Công ty con	14.535.108.260	4.280.419.836
Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON RAITO	Công ty con	53.153.873.143	4.679.188.945
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng	Công ty con	-	96.342.464
Công ty Cổ phần Thiết bị FECON	Công ty con	6.254.566.405	9.588.026.856
Công ty Cổ phần thi công cọc FECON số 1	Công ty con	1.601.274.529	1.601.274.529
Công ty Cổ phần cọc khoan và kết cấu ngầm FECON	Công ty con	-	5.322.140.936
FECON Trung Chính Myanmar	Công ty con	2.786.412.060	2.786.412.060
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng FECON	Công ty con	-	19.440.261.014
Công ty Cổ phần Fecon South	Công ty con	3.531.834.662	2.217.432.800
Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật Tiên Tiến RAITO - FECON	Công ty con	701.101.330	564.450.099
Trả trước cho người bán		95.470.411.741	52.877.898.088
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng FECON	Công ty con	6.510.000.000	15.651.099.980
Công ty Cổ phần cọc và xây dựng FECON	Công ty con	30.823.373.040	5.423.373.040
Công ty Cổ phần đầu tư FECON	Công ty con	20.518.358.436	11.003.425.068
Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON RAITO	Công ty con	28.870.999.831	20.800.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị FECON	Công ty con	900.000.000	-
Công ty Cổ phần FECON SOUTH	Công ty con	7.847.680.434	-
Phải trả khác		182.172.397.974	116.107.954.347
Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON RAITO	Công ty con	136.400.271.947	116.107.954.347
Công ty Cổ phần Năng lượng FECON	Công ty con	45.772.126.027	-

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/6/2023	01/01/2023
		VND	VND
Phải thu khác		65.705.471.238	194.655.943.244
Công ty Cổ phần cọc khoan và kết cấu ngầm FECON	Công ty con	-	9.830.560
Công ty Cổ phần FECON SOUTH	Công ty con	11.305.527.210	3.199.573.879
FECON RAINBOW FOUNDATION CONSTRUCTION CO LTD	Công ty con	24.950.520	24.950.520
Công ty Cổ phần Năng lượng Fecon	Công ty con	8.987.773	11.351.810.223
Công ty Cổ phần Thiết bị FECON	Công ty con	8.754.838.870	5.061.647.803
Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON RAITO	Công ty con	16.412.162.926	171.841.032
Công ty Cổ phần nông nghiệp hữu cơ Đông Khê	Công ty con	20.736.000	20.736.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng	Công ty con	9.347.205.486	2.655.401.926
Công ty TNHH MTV Thi công đường bộ FCI	Công ty con	89.619.393	89.619.393
Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON	Công ty con	14.890.395.987	19.994.611.935
Công ty Cổ phần Đầu tư FECON	Công ty con	-	51.417.963.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng FECON	Công ty con	4.713.545.324	16.430.550.294
Công ty cổ phần đầu tư năng lượng ECOTECH Việt Nam	Công ty con	-	84.106.164.380
Công ty Cổ phần địa kỹ thuật Tiên Tiến RAITO - FECON	Công ty con	137.501.749	121.242.299
Phải thu cho vay		-	14.950.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng FECON	Công ty con	-	14.950.000.000
Phải trả người bán		360.358.855.291	284.972.415.523
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng FECON	Công ty con	28.106.565.192	41.721.096.683
Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON RAITO	Công ty con	179.799.456.638	59.021.896.238
Công ty Cổ phần FECON SOUTH	Công ty con	28.976.299.253	35.976.461.839
Công ty Cổ phần đầu tư FECON	Công ty con	32.011.013.459	50.460.491.492
Công ty Cổ phần cọc khoan và kết cấu ngầm FECON	Công ty con	13.138.728.424	21.080.124.085
Công ty Cổ phần cọc và xây dựng FECON	Công ty con	77.222.600.325	73.983.889.677
Công ty Cổ phần Thiết bị FECON	Công ty con	1.104.192.000	2.728.455.509
Người mua trả tiền trước		63.025.000.000	-
Công ty Cổ phần FECON SOUTH	Công ty con	7.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON RAITO	Công ty con	56.025.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Các giao dịch bán hàng			120.529.875.198	47.970.950.128
Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật Tiên Tiến RAITO - FECON	Công ty con	Dịch vụ	378.163.638	479.044.244
Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON	Công ty con	Dịch vụ	709.945.651	486.269.746
		Bán vật tư	78.907.629.778	-
Công ty Cổ phần Thiết bị FECON	Công ty con	Dịch vụ	5.990.261.678	4.912.809.581
Công ty Cổ phần thi công cọc FECON số 1	Công ty con	Dịch vụ	-	7.319.000
Công ty Cổ phần cọc khoan và kết cấu ngầm FECON	Công ty con	Bán vật tư, xây lắp	-	5.363.296.758
Công ty Cổ phần cọc và xây dựng FECON	Công ty con	Bán vật tư	18.403.716.106	9.817.597.709
		Dịch vụ	9.600.614.911	1.305.029.024
Công ty Cổ phần Đầu tư FECON	Công ty con	Bán vật tư	-	4.853.540.426
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng FECON	Công ty con	Bán vật tư	746.837.400	20.452.621.740
		Dịch vụ	287.605.032	293.421.900
Công ty Cổ phần FECON SOUTH	Công ty con	Bán vật tư	5.505.101.004	-
Các giao dịch mua hàng			413.523.186.812	445.906.126.093
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng FECON	Công ty con	Xây lắp	33.683.574.705	8.193.978.589
Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON RAITO	Công ty con	Xây lắp	259.316.208.269	3.562.845.234
Công ty Cổ phần FECON SOUTH	Công ty con	Xây lắp	30.762.975.869	174.568.478.364
		Thuê xe	-	(83.618.354)
		Mua thiết bị	587.695.083	55.454.546
Công ty Cổ phần Đầu tư FECON	Công ty con	Xây lắp	6.970.424.827	43.749.579.574
		Mua vật tư	6.136.293.324	-
Công ty Cổ phần Thiết bị FECON	Công ty con	Dịch vụ	2.247.340.129	405.787.599
Công ty Cổ phần thi công cọc FECON số 1	Công ty con	Xây lắp	-	822.321.850
Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON	Công ty con	Xây lắp	74.378.531.887	76.131.274.917
Công ty Cổ phần cọc khoan và kết cấu ngầm FECON	Công ty con	Bán vật tư, Xây lắp	(559.857.281)	62.368.748.857

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Lãi cho vay			1.280.542.464	2.402.308.901
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng	Công ty con	Lãi cho vay	-	-
Công ty Cổ phần nông nghiệp hữu cơ Đông Khê	Công ty con	Lãi cho vay	-	-
Công ty Cổ phần Năng lượng FECON	Công ty con	Lãi cho vay	386.652.054	445.185.615
Công ty Cổ phần FECON SOUTH	Công ty con	Lãi cho vay	-	585.986.301
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng ECOTECH Việt Nam	Công ty con	Lãi hợp tác đầu tư	893.890.410	1.371.136.985
Lãi vay			3.464.443.627	2.601.455.784
Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON RAITO	Công ty con	Lãi vay	3.292.317.600	2.493.117.011
Công ty Cổ phần Đầu tư FECON	Công ty con	Lãi vay	-	108.338.773
Công ty Cổ phần Năng Lượng FECON	Công ty con	Lãi vay	172.126.027	-
Cổ tức			26.093.200.000	30.802.420.324
Công ty Cổ phần FECON SOUTH	Công ty con	Cổ tức	8.223.200.000	-
Công ty cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng	Công ty con	Cổ tức	8.064.000.000	4.032.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị FECON	Công ty con	Cổ tức	3.747.000.000	3.122.500.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng FECON	Công ty con	Cổ tức	-	4.713.545.324
Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON	Công ty con	Cổ tức	6.059.000.000	18.934.375.000

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON
Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu



Trần Thu Trang

Kế toán trưởng



Phạm Văn Tùng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thanh